TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST Ngày 12 – 02 - 2025 V/v ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Cẩm C, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp H, xã H, tỉnh An Giang).

- *Bị đơn:* Anh Đào Văn K, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp H, xã H, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện chị Lê Cẩm C nguyên đơn trình bày: Chị C và anh Đào Văn K tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 1999; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi kết hôn chị C và anh K sống hạnh phúc được thời gian đầu. Nhưng đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K sinh tật ăn chơi, rượu chè say sỉn về nhà

chửi mắn và có những lúc đánh đập chị, chị đã cố gắng chịu đựng để mong anh K thay đổi tánh tình lo xây dựng gia đình, nhưng anh K không thay đổi mà càng ngày càng đánh đập chị nhiều hơn những khi kêu chị đưa tiền để đi đánh bài, mỗi lần đánh đập chị đều nhờ hàng xóm can ngăn chứ anh K không có ý định dừng bạo hành. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng anh K, nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh Đào Văn K.

Về con chung: Chị C xác định chị và anh K có với nhau ba người con chung gồm Đào Thị Như Ý, sinh ngày 10/01/2000; Đào Tấn Đ, sinh ngày 01/01/2002 và Đào Văn N, sinh ngày 07/3/2010, hiện đang bị bệnh bại não việc đi lại khó khăn. Nay chị C yêu cầu được nuôi cháu N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Ý, cháu Đ đã trưởng thành không mất khả năng lao động nên chị chúc không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Văn K đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản, ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án đã triệu tập anh K đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh K vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về hôn nhân: Chị C anh Đào Văn K có đăng ký kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân nên xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Cẩm C được ly hôn với anh Đào Văn K.

Về con chung: Chị C xác định chị và anh K có ba người con chung gồm Đào Thị Như Ý, sinh ngày 10/01/2000; Đào Văn Đ1, sinh ngày 01/01/2002 và Đào Văn N, sinh ngày 07/3/2010, theo chị C trình bày cháu N hiện đang bị bệnh bại não việc nói năn và đi lại khó khăn, không tự chăm sóc cho bản thân, nên chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng không đưa ra ý kiến hay yêu cầu gì nên không có căn cứ để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đào Văn N,

sinh ngày 07/3/2010, cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét do chị C không yêu cầu. Riêng cháu Ý, cháu Đ1 đã trưởng thành không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh K với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay ấp H, xã H, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2025 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang. Quá trình tố tụng bị đơn đã được triệu tập hợp nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Cẩm C và anh Đào Văn K là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bạc Liêu đúng thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị C cho rằng giữa chị anh K thường xuyên cự cải nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và anh K thường xuyên bạo lực với chị, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh K đã ly thân. Đối với bị đơn Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng chị C không còn tình cảm vợ chồng với anh K và cả hai đã sống ly thân. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã động viên chị C xem xét lại tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K, nhưng chị C kiên quyết được ly hôn. Nếu trường hợp Toà án xét xử không chấp nhận cho chị được ly hôn vưới anh K, thì chị cũng kiên quyết không chung sống vợ chồng với anh K. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng

giữa chị C anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh K.

[2.2] Về con chung: Chị C xác định chị và anh K có với nhau ba người con chung gồm Đào Thị Như Ý, sinh ngày 10/01/2000; Đào Văn Đ1, sinh ngày 01/01/2002 và Đào Văn N, sinh ngày 07/3/2010. Theo ý kiến chị C xác định cháu Ý, cháu Đ1 đã trưởng thành, không mất khả năng lao động. Riêng cháu N chưa đủ 18 tuổi và đang bị bệnh bại não việc nói năn đi lại khó khăn và chị chăm sóc cháu từ trước giờ nên chị yêu cầu được nuôi cháu N. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là nếu sau khi ly hôn vợ chồng không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con thì do Tòa án quyết định, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Do anh K vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng không đưa ra ý kiến hay yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét và nhằm đảm bảo sự ổn định và điều kiện phát triển của con nghị nên giao cháu Đào Văn N, sinh ngày 07/3/2010, cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng cháu Ý, cháu Đ1 đã trưởng thành không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Lê Cẩm C phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227 Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2025.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Cẩm C được ly hôn với anh Đào Văn K.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Đào Văn N, sinh ngày 07/3/2010, cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng cháu Ý, cháu Đ1 đã trưởng thành không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh K có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Lê Cẩm C phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0013184 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – An Giang).

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Cẩm C có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đào Văn K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 5 - AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên